

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế học đại cương

Tên học phần (tiếng Anh): General Economics

Trình độ: Đại học

Mã học phần: 0101100941

Mã tự quản: 13200003

Thuộc khối kiến thức: Giáo dục đại cương

Loại học phần: Tự chọn

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kinh Tế – Khoa Quản Trị Kinh Doanh

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Phân bố thời gian:

- Tổng số tiết : 90 tiết
- Số tiết lý thuyết : 30 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 00 tiết
- Số giờ tự học : 60 giờ

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

Hình thức giảng dạy: ☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến (online) ☒ Thay đổi theo HK

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT	Họ và tên	Email	Đơn vị công tác
1.	TS. Nguyễn Văn Ít	inv@it.edu.vn	Khoa QTKD–HUIT
2.	TS. Võ Thái Hiệp		Khoa QTKD–HUIT
3.	ThS. Nguyễn Thụy Cẩm Hương	huongntc@huit.edu.vn	Khoa QTKD-HUIT
4.	ThS. Nguyễn Hoàng Oanh	oanhnth@huit.edu.vn	Khoa QTKD-HUIT
5.	ThS. Quách Tố Trinh	trinhqt@huit.edu.vn	Khoa QTKD–HUIT

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học là học phần cơ sở, nghiên cứu cách thức sử dụng các nguồn lực khan hiếm nhằm đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người. Học phần hướng đến giải quyết các bài toán tối ưu của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; đồng thời phân tích các vấn đề tổng quát của nền kinh tế quốc dân. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản như cung, cầu và giá cả thị trường; lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; lý thuyết về sản xuất và chi phí sản xuất; đo lường sản lượng quốc gia; tổng cầu và sản

lượng cân bằng; tiền tệ và ngân hàng cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sinh viên học xong học phần này có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CĐR của CTĐT	CĐR học phần		Mô tả CĐR (Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng)	Mức độ năng lực
PLO1	CLO1	CLO1.1	Giải thích các lý thuyết lựa chọn kinh tế, ảnh hưởng của quy luật khan hiếm và mô hình kinh tế đối với việc lựa chọn kinh tế	C3
		CLO1.2	Giải thích được quy luật cung cầu, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường cân bằng	C3
PLO2	CLO2	CLO2.1	Tính toán và xác định được các giá trị thặng dư người sản xuất và tiêu dùng, tổng sản phẩm quốc gia	C3
		CLO2.2	Đánh giá các lợi ích và thiệt hại của các chính sách thuế, trợ cấp và độc quyền đến phúc lợi xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ	C3
PLO8	CLO3		Hình thành và áp dụng được các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá vấn đề thuộc kinh tế vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến tổ chức	P3

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

5.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT	Tên chương	CĐR học phần	Phân bố thời gian (tiết)		
			Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Tự học

1	Khái quát về kinh tế học	CLO1.1, CLO2.1, CLO3,	2	0	4
2	Cung, cầu và giá cả thị trường	CLO1.2, CLO2.1, CLO3	6	0	12
3	Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng	CLO1.3, CLO2.1, CLO3.	4	0	8
4	Lý thuyết về sản xuất và chi phí sản xuất	CLO2.1, CLO3	6	0	12
5	Đo lường sản lượng quốc gia	CLO2.2, CLO3	4	0	8
6	Tổng cầu, sản lượng cân bằng và chính sách tài khóa	CLO2.2, CLO3	4	0	8
7	Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ	CLO2.2, CLO3	4	0	8
Tổng			30	0	60

6.2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Khái quát về kinh tế học

1.1. Một số khái niệm

1.1.1 Khái niệm về kinh tế học

1.1.2. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.1.3. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

1.1.4. Nội dung nghiên cứu của kinh tế vi mô

1.2. Những vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế

1.3. Mô hình kinh tế

Chương 2. Cung, cầu và giá cả thị trường

2.1. Cầu thị trường

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các hình thức biểu hiện của cầu

2.1.3. Luật cầu

2.1.4. Các yếu tố quyết định cầu

2.1.5. Sự vận động và dịch chuyển của đường cầu

2.2. Cung thị trường

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Các hình thức biểu hiện của cung

2.2.3. Luật cung

2.2.4. Các yếu tố quyết định cung

2.2.5. Sự vận động và dịch chuyển của đường cung

2.3. Mối quan hệ cung - cầu

2.3.1. Trạng thái cân bằng

2.3.2. Dư thừa và thiếu hụt

2.3.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng

2.3.4. Kiểm soát giá cả

2.4. Sự co giãn của cầu theo giá

Chương 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

3.1. Lý thuyết về hữu dụng

3.1.1. Một số khái niệm

3.1.2. Quy luật hữu dụng biên giảm dần

3.1.3. Hữu dụng biên và đường cầu

3.2 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

3.2.1. Sở thích của người tiêu dùng

3.2.2. Đường đẳng ích

3.2.3. Đường ngân sách

3.2.4. Sự lựa chọn của người tiêu dùng

Chương 4. Lý thuyết sản xuất và chi phí sản xuất

4.1. Lý thuyết về sản xuất

4.1.1. Hàm sản xuất

4.1.2. Sản xuất trong ngắn hạn

4.1.3. Sản xuất trong dài hạn

4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất

4.2.1. Chi phí sản xuất

4.2.2. Chi phí ngắn hạn

4.2.3. Chi phí dài hạn

4.3. Lý thuyết về lợi nhuận

Chương 5. Đo lường sản lượng quốc gia

5.1. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô

5.2. Chỉ tiêu GDP và GNP

5.3. Các phương pháp xác định GDP danh nghĩa theo giá thị trường

3.3.1. Vòng chu chuyển kinh tế vĩ mô

3.3.2. Ba phương pháp xác định GDP

5.4. Mở rộng các chỉ tiêu khác

5.4.1. GNP danh nghĩa theo giá thị trường

5.4.2. GNP, GDP theo các loại giá khác nhau

5.4.3. Một số chỉ tiêu suy ra từ GNP và GDP

5.4.4. Các chỉ tiêu để so sánh

5.5. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản

Chương 6. Tổng cầu, sản lượng cân bằng và chính sách tài khoá

6.1. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

6.2. Tổng cầu và sản lượng cân bằng của nền kinh tế

6.2.1. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn

6.2.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng có chính phủ

6.2.3 Tổng cầu trong nền kinh tế mở

6.2.4 Số nhân tổng cầu

6.3. Chính sách tài khoá

6.3.1. Chính sách tài khoá trong lý thuyết

6.3.2. Chính sách tài khóa trong thực tiễn

6.3.3. Vấn đề thâm hụt ngân sách và các biện pháp tài trợ

Chương 7. Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ

7.1. Khái quát về tiền tệ

7.1.1. Định nghĩa

7.1.2. Chức năng của tiền tệ

7.1.3. Các hình thái của tiền

7.1.7. Khối lượng tiền tệ

7.2. Hệ thống ngân hàng

7.2.1. Hệ thống ngân hàng

7.2.2. Hoạt động kinh doanh và dự trữ của ngân hàng trung gian

7.2.3. Tiền qua ngân hàng và số nhân tiền tệ

7.2. Thị trường tiền tệ

7.2.1. Cầu tiền

7.2.2. Cung tiền

7.2.3. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ

7.3. Chính sách tiền tệ

7.3.1. Các công cụ của chính sách tiền tệ

7.3.2. Chính sách tiền tệ

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CĐR của học phần			
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng làm việc nhóm	Năng lực tự chủ
		CLO1.1, CLO1.2,	CLO2.1, CLO2.2	CLO3	CLO3
Thuyết trình	Lắng nghe, ghi chép, ghi nhớ và đặt câu hỏi	x			
Mình họa	Quan sát, ghi chép, đặt câu hỏi	x			
Vấn đáp	Vấn đáp	x	x	x	x
Bài tập tình huống (bài tập nhóm)	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm, phản biện, trình bày.	x	x	x	x

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

– Thang điểm đánh giá: 10/10

– Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hình thức đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra học phần	Tỉ lệ (%)	Rubric
Quá trình			50	
Tham dự lớp học	Suốt quá trình học		5	I.1
Tham gia thảo luận nhóm	Suốt quá trình học	CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1; CLO2.2; CLO3	5	I.3
Tham gia làm bài tập cá nhân	Sau khi hoàn thành chương 4	CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1; CLO2.2; CLO3	20	Theo đáp án
Tham gia làm bài tập nhóm	Sau khi hoàn thành chương 7	CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1; CLO2.2; CLO3	20	Theo đáp án
Thi cuối kỳ			50	
- Thi tự luận/ trắc nghiệm - Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1; CLO2.2; CLO3	50	Theo thang điểm của đề thi

8. NGUỒN HỌC LIỆU

8.1. Sách, giáo trình chính

[1] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2019), *Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

[2] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2019), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Nguyễn Hoàng Bảo (2019), *Câu hỏi – Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM;

[2] Phạm Văn Minh, Hồ Đình Bảo, Phạm Thái Sơn (2009), *Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc*, NXB Giáo dục;

[3] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2014), *Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM

[4] Mankiw, N. Gregory (2017), *Principles of Microeconomics*, Cengage Learning

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Người học có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết;
 - Chủ động lên kế hoạch học tập:
- + Tích cực khai thác các tài nguyên trong thư viện của trường và trên mạng để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động thảo luận;

- + Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu;
- + Ôn tập các nội dung đã học; tự kiểm tra kiến thức bằng cách làm các bài trắc nghiệm kiểm tra hoặc bài tập được giảng viên cung cấp.
 - Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, trình bày, vấn đáp trên lớp và hoạt động nhóm;
 - Chủ động hoàn thành đầy đủ, trung thực các bài tập cá nhân, bài tập nhóm theo yêu cầu;
 - Dự kiểm tra trên lớp và thi cuối kỳ.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đại học khối ngành kỹ thuật, xã hội từ khóa 15DH, năm học 2024-2025;
- Giảng viên: sử dụng đề cương này để làm cơ sở cho việc chuẩn bị bài giảng, lên kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học;
- Lưu ý: Trước khi giảng dạy, giảng viên cần nêu rõ các nội dung chính của đề cương học phần cho người học – bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy và học chủ yếu, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo dùng cho học phần;
- Người học: sử dụng đề cương này làm cơ sở để nắm được các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định được phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi.

12. PHÊ DUYỆT

☐ Phê duyệt lần đầu

☒ Bản cập nhật lần thứ:

Ngày phê duyệt: 12/08/2024

Ngày cập nhật:/....../2024

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Chủ nhiệm học phần

Huỳnh Quang Linh

Ngô Văn Thạo

Nguyễn Văn Ít